

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST

Ngày 29/3/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Thanh Trà** và ông **Phạm Xoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trần Minh Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Trương Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-KDTM ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V** (gọi tắt là **V1**). Trụ sở: **H L, phường L, quận Đ, Hà Nội**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Anh T**, ông **Nguyễn Mạnh S**, ông **Trần Đình L**, ông **Nguyễn Lê Anh T1** và ông **Nguyễn Đức T2** (Theo giấy ủy quyền số 68/2023/UQ –VPB ngày 27.9.2023). Địa chỉ liên lạc: **Tầng D, A P, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Ông **Nguyễn Đức T2** có mặt.

\* Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T3** **lanh X.T.L** (gọi tắt là **Công ty X1**) Trụ sở: **Lô A P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Ngọc L1**, sinh năm 1988. Địa chỉ HKTT: **Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**. Địa chỉ liên lạc: **5/20 B, tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 04/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Đức T2** thống nhất trình bày:

Theo Hợp đồng cấp hạn mức số DNA/22244 ngày 08/9/2022 và khế ước nhận nợ số 160323-6063395-ONL-2 ngày 17/3/2023 giữa **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty X1** đã thỏa thuận như sau: Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Giá trị hạn mức: 595.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được bên Ngân hàng và bên vay

thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan đến ký kết giữa bên vay và Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Thông tin cụ thể theo Khế ước nhận nợ 160323-6063395-ONL-2 ngày 17/3/2023:

Số tiền vay: 535.000.000 đồng.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng (Tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/07/2022).
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hòa không khí.
- Lãi suất cho vay: 21,5 %/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của **V1** hội sở đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 12%/năm.
- Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên: 17/4/2023.
- Kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải thanh toán định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15.
- Kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 15 hàng tháng.

Thông tin về Hợp đồng bảo lãnh:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22244 ngày 08/9/2022 ông **Phạm Ngọc L1** đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho **Công ty X1** trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của **Công ty X1** đối với bên **V1** phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa **Công ty X1** và **V1**.

Quá trình thực hiện hợp đồng **Công ty X1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 15/4/2023 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/3/2024, **Công ty X1** còn nợ **V1** với tổng số tiền là: 711.234.654 đồng, trong đó nợ gốc là 534.998.073 đồng, nợ lãi là 167.301.312 đồng (lãi trong hạn: 9.138.973 đồng, lãi quá hạn: 158.162.339 đồng), nợ lãi chậm trả là 8.935.269 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và gửi thông báo thu hồi nợ vay trước hạn cho **Công ty X1** và các bên liên quan yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ vay cho **V1** nhưng **Công ty X1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, **V1** quyết định khởi kiện **Công ty X1** ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay này.

Tại phiên tòa hôm nay đề nghị Tòa án buộc **Công ty X1** phải thanh toán ngay cho **V1** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 711.234.654 đồng, trong đó nợ gốc là 534.998.073 đồng, nợ lãi là 167.301.312 đồng (lãi trong hạn: 9.138.973 đồng, lãi quá hạn: 158.162.339 đồng), nợ lãi chậm trả là 8.935.269 đồng.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày **Công ty X1** thực tế thanh toán hết nợ cho **V1**.
- Yêu cầu ông **Phạm Ngọc L1** có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho **Công ty X1** trong việc trả nợ cho **V1** theo hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22244 ngày 08/9/2022.

Đối với bị đơn **Công ty X1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của **V1** cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên

hợp nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 nhưng vẫn không có lý do.

**Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:** Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 91 và 98 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 711.234.654 đồng, trong đó nợ gốc là 534.998.073 đồng, nợ lãi là 167.301.312 đồng, nợ lãi chậm trả là 8.935.269 đồng.

Trường hợp Công ty X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản của Công ty X1 để thu hồi nợ cho ngân hàng và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Phạm Ngọc L1 là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV T3 lãnh X.T.L để thanh toán nợ tại ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng TMCP V yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 711.234.654 đồng, trong đó nợ gốc là 534.998.073 đồng, nợ lãi là 167.301.312 đồng (lãi trong hạn: 9.138.973 đồng, lãi quá hạn: 158.162.339 đồng), nợ lãi chậm trả là 8.935.269 đồng và lãi phát sinh.

##### **[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:**

Theo Hợp đồng cấp hạn mức số DNA/22244 ngày 08/9/2022 và khế ước nhận nợ số 160323-6063395-ONL-2 ngày 17/3/2023 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty X1 đã thỏa thuận như sau: Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Giá trị hạn mức: 595.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan đến ký kết giữa bên vay và Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Thông tin cụ thể theo Khế ước nhận nợ 160323-6063395-ONL-2 ngày 17/3/2023:

Số tiền vay: 535.000.000 đồng.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng (Tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/07/2022).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hòa không khí.
- Lãi suất cho vay: 21,5 %/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 1 lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của **V1** hội sở đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 12%/năm.
- Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên: 17/4/2023.
- Kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải thanh toán định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15.
- Kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 15 hàng tháng.

Khoản nợ trên được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo lãnh số số: DNA/22244 ngày 08/9/2022, ông **Phạm Ngọc L1** đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho **Công ty X1** trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của **Công ty X1** đối với bên **V1** phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa **Công ty X1** và **V1**.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là tự nguyện, các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng **Công ty X1** chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vào ngày 15/4/2023 toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng **Công ty X1** vẫn không thanh toán, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc **Công ty X1** phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 711.234.654 đồng, trong đó nợ gốc là 534.998.073 đồng, nợ lãi là 167.301.312 đồng (lãi trong hạn: 9.138.973 đồng, lãi quá hạn: 158.162.339 đồng), nợ lãi chậm trả là 8.935.269 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 30/3/2024 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ nêu trên.

[2.2] Trường hợp **Công ty X1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản của **Công ty X1** để thu hồi nợ cho ngân hàng và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông **Phạm Ngọc L1** là người có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho **Công ty X1** trong việc trả nợ cho **Ngân hàng TMCP V** theo Hợp đồng bảo lãnh số DNA/22244 ngày 08/9/2022.

[2.3] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm, nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là **Công ty X1** phải chịu án phí kinh doanh thương mại là: 32.449.386 đồng. Hoàn trả tạm ứng án phí cho **Ngân hàng TMCP V**.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH MTV T3 lãnh X.T.L.

**Xử:** Buộc Công ty TNHH MTV T3 lãnh X phải trả cho Ngân hàng TMCP V tạm tính đến ngày 29/3/2024 số tiền là 711.234.654 đồng, trong đó nợ gốc là 534.998.073 đồng, nợ lãi là 167.301.312 đồng (lãi trong hạn: 9.138.973 đồng, lãi quá hạn: 158.162.339 đồng), nợ lãi chậm trả là 8.935.269 đồng.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 30/3/2024 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên.

- Trường hợp Công ty X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản của Công ty X1 để thu hồi nợ cho ngân hàng và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Phạm Ngọc L1 là người có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty X1 trong việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số DNA/22244 ngày 08/9/2022.

**2.** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T3 lãnh X.T.L phải chịu án phí kinh doanh thương mại là: 32.449.386 đồng. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V số tiền 14.238.000 đồng mà Ngân hàng TMCP V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 1306 ngày 19 tháng 10 năm 2023.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trờng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Hồng Loan**

**Các hội thẩm nhân dân**                      **Hội đồng xét xử**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**







